

Bản án số: 367/2024/DS-ST

Ngày: 10-9-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng;

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 271/2024/QĐ-HPT ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng NN

Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường L, phường T, Quận B, Thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số 162-166 Lý Thường Kiệt, Phường A, Quận B, Thành phố H

(Theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 958/GUQ-NHNo.LTK-KTNB ngày 21/6/2023 và số 960/GUQ-NHNo.LTK-KTNB ngày 20/6/2023 của Ngân hàng NN - Chi nhánh Lý Thường Kiệt)

- **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Xuân Tuyết L, sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 96 Lê Văn Duyệt, Phường A, Quận B, Thành phố H.

2. Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1989 (có đơn xin vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 68/423 Trần Quang Khải, Phường T, Quận S, Thành phố H.

- **Người có quyền, lợi, nghĩa vụ liên quan:**

4. Ông Lê Khắc Ch, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 1986 (vắng mặt)
 6. Trẻ Nguyễn Lê Khắc V, sinh năm: 2012 (vắng mặt)
 7. Trẻ Nguyễn Lê Trâm A, sinh năm: 2020 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Căn nhà đất số 110/5B, ấp L, xã B, huyện M, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2023 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/7/2024 và bản tự khai ngày 09/9/2024 của nguyên đơn Ngân hàng NN có ông Phạm Văn C đại diện trình bày:

Ngày 19/7/2022 Ngân hàng NN (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Xuân Tuyết L có ký Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-202200653. Bà Lan vay số tiền 840.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm; Lãi suất đã điều chỉnh là: 11%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả: 10%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: Bù đắp tiền mua xe. Thời hạn vay 12 tháng. Ngày 14/7/2022 Ngân hàng có ký với ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-202200634. Ông Vinh và bà Hương vay số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là: 9%/năm; Lãi suất điều chỉnh là 11%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả: 10%/năm.

Để đảm bảo 02 khoản vay trên ngày 03/7/2020 ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H đã ký Hợp đồng thế chấp số 1603-LCP-202000509 và ngày 21/7/2021 ông Vinh và bà Hương ký tiếp Hợp đồng thế chấp số 1603-LCP-202100469 với Ngân hàng. Theo đó, thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (thửa đất số 667, tờ bản đồ số 53) tọa lạc tại số 110/5B ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H là chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận số CO 842557 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03007) do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, cấp ngày 13/12/2019; công chứng tại văn phòng công chứng Hoàng Xuân Hoan – Thành phố Hồ Chí Minh (số công chứng 04976, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD và số công chứng 04052, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD); Đăng ký giao dịch bảo đảm chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh huyện Hóc Môn ngày 03/7/2020 và ngày 22/7/2021.

Hiện tại, bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H đã vi phạm cam kết trả nợ trong Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Lý Thường Kiệt – Phòng giao dịch Phú Thọ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Xuân Tuyết L thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày xét xử là: Tiền nợ gốc: 840.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 36.453.699 đồng; Tiền lãi quá hạn: 43.334.795 đồng; Tiền lãi chậm trả: 4.273.202 đồng.

Buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử là: Tiền nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 494.191.781 đồng; Tiền lãi quá hạn: 218.164.384 đồng; Tiền lãi chậm trả: 42.776.326 đồng.

Buộc bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H thanh toán toàn bộ số tiền lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí, phí phạt theo lãi suất đã thoả thuận và phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến ngày tất toán nợ vay.

Trường hợp bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H không thanh toán hoặc trả nhưng không đầy đủ. Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: xác nhận có vay vốn Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Do tình hình khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Đồng thời, đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay và toàn bộ số tiền lãi và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp khi bà không trả được nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T có ý kiến trình bày trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2024 như sau: Căn nhà tại địa chỉ số 110/5B ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh là nhà thuộc sở hữu của ông Lê Văn Út. Ông Út có 03 người con bao gồm ông Lê Khắc Bình, ông Lê Khắc Ch và ông Lê Khắc Trọng. Việc ông Út tặng cho ông Lê Khắc Bình là không đúng vì ông Út mất năm 2018 (đột tử) và không để lại di chúc hay giấy tờ gì. Nay Tòa án cho biết căn nhà nêu trên đã được chuyển nhượng cho ông Vinh và đang thế chấp ngân hàng là không chính xác. Gia đình bà Thu vẫn là người đang sử dụng và quản lý nhà, không biết người mua nhà là ai. Từ khi ở đến nay căn nhà nêu trên vẫn nguyên hiện trạng. Bà Thu không đồng ý việc phát mãi căn nhà và đơn khởi kiện của Ngân hàng NN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền nhưng vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố

tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lan, ông Vinh và bà Hương.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp được ký kết đúng theo quy định pháp luật nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-202200653 và số 1603-LAV-202200634 cũng như việc các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu các bị đơn hoàn trả số tiền còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 5 Điều 9 Hợp đồng tín dụng và do Ngân hàng NN Chi nhánh Lý Thường Kiệt có công văn đề nghị lựa chọn thẩm quyền giải quyết vụ án số 959/CV-NHNo.LTK-KTNB và số 961/CV-NHNo.LTK-KTNB, chọn Tòa án nhân dân Quận 10 là nơi giải quyết, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Xét Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp 0100686174, đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 02/12/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp có cơ sở xác định ông Phạm Toàn Vượng là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Xét Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 0100686174-069 đăng ký lần đầu ngày 20/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/12/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Định là đại diện theo pháp luật của chi nhánh. Xét Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án và các Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 958/GUQ-NHNo.LTK-KTNB ngày 21/6/2023 và số 960/GUQ-NHNo.LTK-KTNB ngày 20/6/2023 của Ngân hàng NN là hợp lệ nên ông Phạm Văn C có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[3.2] Xét các bị đơn bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lan, ông Vinh và bà Hương theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.4] Xét những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Khắc Ch, bà Nguyễn Thị Lê T, trẻ Nguyễn Lê Khắc V và trẻ Nguyễn Lê Trâm A đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng: Căn cứ Điều 119 Bộ luật dân sự quy định hình thức giao dịch được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự và tại khoản 7 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng quy định *“Cho vay là hình thức cấp tín dụng thông qua việc bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho bên cho vay”*. Xét các Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-202200653 và số 1603-LAV-202200634 đảm bảo đúng quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc các bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[5.1] Như phân tích tại phần [4] do hợp đồng tín dụng phát sinh hiệu lực pháp luật và căn cứ vào các phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ có chữ ký và chữ viết của bên vay bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H có cơ sở xác định bên vay đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng.

[5.2] Căn cứ vào các bản tự khai của các bị đơn tại phiên tòa xác nhận các bị đơn vẫn chưa hoàn trả nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng. Nay nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc các bị đơn thanh toán các khoản tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[6.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự quy định *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.”* Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng quy định *“Tổ chức tín dụng và khách hàng*

thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng”, nên Ngân hàng là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật.

[6.2] Căn cứ Điều 2 của hợp đồng tín dụng quy định về lãi suất cho vay, lãi chậm trả lãi, phí. Căn cứ vào phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 19/7/2022 thì bà Lan phải trả nợ vào ngày 19/7/2023 và phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 14/7/2022 thì ông Vinh và bà Hương phải trả nợ vào ngày 14/7/2023.

[6.3] Căn cứ các thông báo ngày 03/01/2023, ngày 10/10/2022 điều chỉnh lãi suất các hợp đồng tín dụng của bị đơn tại ngân hàng có cơ sở xác định ngân hàng đã thực hiện thông báo điều chỉnh lãi theo đúng quy định. Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn của hợp đồng nêu trên.

[6.4] Căn cứ các Thông báo điều chỉnh lãi suất các hợp đồng tín dụng của bị đơn và các quy định về mức lãi suất nên nội dung thỏa thuận của hai bên về lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp nên được chấp nhận. Như phân tích tại phần [5] các bị đơn đều vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc các bị đơn thanh toán các khoản tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng. Cụ thể: bà Nguyễn Xuân Tuyết L thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày xét xử là: Tiền nợ gốc: 840.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 36.453.699 đồng; Tiền lãi quá hạn: 43.334.795 đồng; Tiền lãi chậm trả: 4.273.202 đồng; Ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử là: Tiền nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 494.191.781 đồng; Tiền lãi quá hạn: 218.164.384 đồng; Tiền lãi chậm trả: 42.776.326 đồng.

[7] Đối với yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp trong trường hợp các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Điều 4 Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 và đăng ký giao dịch đảm bảo. Căn cứ các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1603-LCP-202000509, số công chứng: 04976, quyền số: 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2020 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1603-LCP-202100469, số công chứng: 04052, quyền số: 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/7/2021 tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân Hoan để thế chấp các tài sản bảo đảm khoản vay theo hợp đồng vay tín dụng là thửa đất số 667, tờ bản đồ số 53, địa chỉ số 110/5B ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H làm chủ sở hữu và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Như vậy, đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận. Do đó, trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Thu có trình bày căn nhà tại địa chỉ số 110/5B ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh là nhà do ông Út để lại cho các con, năm 2018 ông Út mất mà không để lại di chúc nên việc mua bán căn nhà trên cho ông Vinh là không chính xác. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà Thu không nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cũng như không có yêu cầu độc lập. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

[1] Buộc bà Nguyễn Xuân Tuyết L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng NN số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-202200653 ngày 19/7/2022 số tiền 924.061.696 (chín trăm hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm chín mươi sáu) đồng. Trong đó tiền nợ gốc: 840.000.000 (tám trăm bốn mươi triệu) đồng; Tiền lãi trong hạn: 36.453.699 (ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi chín) đồng; Tiền lãi quá hạn: 43.334.795 (bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi lăm) đồng; Tiền lãi chậm trả: 4.273.202 (bốn triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm lẻ hai) đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 10/9/2024 cho đến khi bà Nguyễn Xuân Tuyết L thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-202200653 ngày 19/7/2022.

[2] Buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là Ngân hàng NN số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng 1603-LAV-202200634 ngày 14/7/2022 số tiền 2.755.132.491 (hai tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi một) đồng. Trong đó tiền nợ gốc: 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng; Tiền lãi trong hạn: 494.191.781 (bốn trăm chín mươi bốn triệu một trăm chín mươi một ngàn bảy trăm tám mươi một) đồng; Tiền lãi quá hạn: 218.164.384 (hai trăm mười tám triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi bốn) đồng; Tiền lãi chậm trả: 42.776.326 (bốn mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm hai mươi sáu) đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 10/9/2024 cho đến khi ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-202200634 ngày 14/7/2022.

[3] Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[4] Trong trường hợp bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng NN được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là thửa đất số 667, tờ bản đồ số 53, địa chỉ số 110/5B ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số C0 842557 (số vào sổ cấp GCN: CH03007) do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 13/12/2019, Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh huyện Hóc Môn ngày 22/7/2021 (số thứ tự 16603) và ngày 03/7/2020.

[5] Trường hợp bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng NN có trách nhiệm hoàn trả lại các bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số C0 842557 (số vào sổ cấp GCN: CH03007) do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 13/12/2019 cho ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H.

[6] Bà Nguyễn Xuân Tuyết L, ông Nguyễn Xuân V và Bà Nguyễn Thị Thanh H hoàn trả lại cho Ngân hàng NN chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Bà Nguyễn Xuân Tuyết L chịu 39.721.851 (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi một) đồng.

[7.2] Ông Nguyễn Xuân V và bà Nguyễn Thị Thanh H chịu 87.102.651 (tám mươi bảy triệu một trăm lẻ hai ngàn sáu trăm năm mươi một) đồng.

[7.3] Hoàn lại Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.436.886 (ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm tám

mười sáu) đồng, theo biên lai thu tiền số 0035551 ngày 25/10/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.759.611 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm mười một) đồng số 0035556 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhân